

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ 2014

(Giảng lần thứ 4)

PHẨM THỨ 7: TẤT THÀNH CHÁNH GIÁC

Nhất Định Thành Chánh Giác

Tập 210

Chủ giảng: Hòa thượng Thích Tịnh Không.

Giảng tại: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà Hồng Kông.

Thời gian: Ngày 9 tháng 7 năm 2015.

Dịch giả: Diệu Hiệp.

Giáo chánh: Thích Thiện Trang.

Kính chào chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời an tọa. Thỉnh mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

A-xà-lê tồn niệm, ngã Đệ tử Diệu Âm, thủ tùng kim nhật, nãi chí mạng tồn, quy y Phật Đà, lưỡng túc trung tôn; Quy y Đạt Ma, ly dục trung tôn; Quy y Tăng Già, chư chúng trung tôn. (3 lần)

Mời xem Đại Kinh Khoa Chú, trang 532, đếm ngược đến hàng thứ năm, khoa đề **智光妙用** “Trí Quang Diệu Dụng”, có bốn đoạn nhỏ, đoạn nhỏ thứ nhất là **慧光普照** “Huệ Quang Phổ Chiếu” (*Huệ Quang Chiếu Khắp*). Chúng ta xem kinh văn, chỉ có hai câu:

【願我智慧光。普照十方刹。】 “Nguyện ngã trí huệ quang, phổ chiếu thập phương sát” (*Nguyện trí quang của con, chiếu khắp*

mười phương cõi).

Chúng ta xem Chú Giải của Niệm lão, **上段表無量壽，本段表無量光。無量壽，體也。無量光，相用也。從此體無量壽的相用流出無邊之化德化益** “**thượng đoạn biểu vô lượng thọ, bốn đoạn biểu vô lượng quang. Vô lượng thọ, thể đã. Vô lượng quang, tướng dụng đã. Từ tướng thể vô lượng thọ đích tướng dụng lưu xuất vô biên chi hóa đức hóa ích**” (*đoạn trước biểu thị vô lượng thọ, đoạn này biểu thị vô lượng quang. Vô lượng thọ là thể. Vô lượng quang là tướng, dụng. Từ tướng và dụng vô lượng thọ của thể này lưu xuất vô biên hóa đức, hóa ích*). Hóa là giáo hóa, đức chính là công đức giáo hóa, bao gồm những điều chúng ta nói hiện nay: trí huệ giáo hóa, lý niệm giáo hóa, phương pháp giáo hóa, những điều này đều là đức. Ích là lợi ích, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đặc biệt là lời dạy của A Mi Đà Phật, thật sự có thể giúp chúng ta lìa cứu cánh khổ, thoát khỏi Lục đạo luân hồi, được cứu cánh vui; Vãng sanh Thế giới Cực Lạc, bất thoái thành Phật, đây là cứu cánh vui. Cho nên nói lưu xuất, từ trong thể của vô lượng thọ lưu xuất vô lượng vô biên hóa đức, hóa ích.

Tiếp theo, ngài trích dẫn lời nói của Đại sư Thiện Đạo, **善導大師** **《定善義》** “**Thiện Đạo Đại sư Định Thiện Nghĩa**” (*sách Định Thiện Nghĩa của Đại sư Thiện Đạo*), Đại sư có Chú Giải cho Quán Kinh, nói với chúng ta về định thiện. **一一誓願為眾生** “**Nhất nhất thế nguyện vị chúng sanh**” (*Mỗi một thế nguyện đều vì chúng sanh*), mỗi một thế nguyện ở đây chính là 48 nguyện chúng ta đã học ở phần

trước, mỗi một nguyện đều là vì chúng sanh, không có một nguyện nào là vì chính mình mà không vì chúng sanh. Đây là điều chúng ta phải học, giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy, học tập theo A Mi Đà Phật. **今此偈頌，正顯是心** “**Kim thử kệ tụng, chánh hiển thị tâm**” (*Kệ tụng này đây: chính là hiển bày tâm ấy*), hai câu kệ này hiển bày dụng tâm của A Mi Đà Phật. Xem kinh văn, **願我智慧光，普照**

十方刹 “**nguyện ngã trí huệ quang, phổ chiếu thập phương sát**”

(*nguyện quang minh trí huệ của con, chiếu khắp cõi nước trong mười phương*). A Mi Đà Phật vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng thọ là nói từ trên thể, vô lượng quang là nói từ trên tướng, nói từ trên tác dụng. Ngài phóng quang chiếu khắp cõi nước trong mười phương, vì sao vậy? Vì chúng ta biết, đức Phật hóa thân vô lượng vô biên, quang minh của mỗi một vị Hóa thân Phật đều chiếu khắp cõi nước trong mười phương, đến cõi nước trong mười phương để tiếp dẫn người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Cõi Phật mười phương là vô lượng vô biên, trong cõi nước mười phương tiếp nhận lời dạy của Bốn sư, như Thế giới này của chúng ta, Thế giới Ta Bà, đây là một cõi Phật, cõi Phật của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Thế Tôn ở thế gian này khuyên bảo mọi người: tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ. Chư Phật trong mười phương, mỗi một vị Phật đều ở khu vực giáo hóa của mình, khu vực giáo hóa này chính là Tam thiên Đại thiên Thế giới, chín Pháp giới trong đó, địa vị cao nhất là Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, bên dưới là sáu đường, gọi là chúng sanh trong chín Pháp giới, khuyên mọi người tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ. Vì sao vậy? Vô lượng vô biên Pháp môn không phải là không tốt, mà Pháp môn nào cũng tốt, Pháp môn bình đẳng, không có

cao thấp, vì sao nhất định phải hoằng dương Pháp môn tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ này? Vì Pháp môn này đơn giản, dễ dàng, chỉ cần quý vị chịu tin, quý vị chịu niệm câu Phật hiệu này, không có người nào không thành tựu. Đây là nguyên nhân gì? Đều là nương nhờ 48 nguyện của A Mi Đà Phật, đều là nương nhờ hai câu văn này do A Mi Đà Phật đã nói: **願我智慧光，普照十方刹** “**nguyện ngã trí huệ quang, phổ chiếu thập phương sát**” (*nguyện trí quang của con, chiếu khắp mười phương cõi*), đây là bốn nguyện của A Mi Đà Phật, tương ứng với bốn nguyện, đức Phật hóa thân đến mười phương Thế giới để tiếp dẫn. Không có đức Phật đến tiếp dẫn, Thế giới Cực Lạc ở đâu, chúng sanh trong mười phương Thế giới tìm không được; Không chỉ chúng sanh tìm không được, mà Bồ-tát cũng tìm không được, cho nên Bồ-tát vãng sanh vẫn là [do] đức Phật đến tiếp dẫn.

Trí huệ quang minh có hai ý nghĩa, nghĩa thứ nhất như trong Kinh Niết Bàn đã nói: **光明名為智慧** “**Quang minh danh vi trí huệ**” (*Quang minh gọi là trí huệ*). Quang minh là tên gọi khác của trí huệ, trí huệ cũng là tên gọi khác của quang minh, quang minh là trí huệ. **又**

《超日明三昧經》 “**Hựu Siêu Nhật Minh Tam Muội Kinh**” (*Thêm nữa, trong Kinh Siêu Nhật Minh Tam Muội*), trong đó nói: **大智發外，能照法界，名為光明** “**Đại trí phát ngoại, năng chiếu Pháp giới, danh vi quang minh**” (*Đại trí phát ra bên ngoài, có thể chiếu Pháp giới, gọi là quang minh*). Đại trí này từ đâu sanh ra? Từ trong Tự Tánh vốn định sanh ra, Tự Tánh vốn định chính là vô lượng thọ. Khi khai ngộ, Đại sư Huệ Năng nói với chúng ta: **何期自性，本無動搖** “**Hà**

kỳ Tụ Tánh, bốn vô động dao” (Nào ngờ Tụ Tánh vốn không dao động), Tụ Tánh là Chân Tâm, chưa từng dao động, không từng lung lay, không có dao động chính là Tụ Tánh vốn định. Vì vậy Phật pháp, vô lượng vô biên Pháp môn, tu điều gì? Hết thấy đều tu Thiền định. Vì sao vậy? Vì Thiền định tương ứng với Tụ Tánh vốn định (tức là vốn không dao động), đạo lý ở chỗ này. Phàm phu chúng ta khởi tâm động niệm trước nay chưa từng có định, Chân Tâm vốn không dao động, còn Vọng tâm thì niệm niệm dao động.

Chúng ta nhất định phải biết ý niệm vi tế này, học Phật mới có được khái niệm. Sự dao động của chúng ta chưa từng dừng lại, niệm trước diệt, niệm sau sanh, đây chính là dao động. Tần số nhanh thế nào? Bồ-tát Di Lặc nói với chúng ta, chúng tôi đổi đơn vị bằng giây, đơn vị là giây, một giây có bao nhiêu lần sóng dao động? Cũng tức là dùng lời nói trong kinh ấy, bao nhiêu lần dao động, trong một giây? 2 triệu 240 ngàn tỷ, trong một giây. Tần số cao và nhanh như vậy, chúng ta nắm bắt không được, quá nhanh rồi! Chúng ta động một ý niệm, biết được chính mình động một ý niệm, trong ý niệm đó có bao nhiêu lần sanh diệt? Bồ-tát Di Lặc nói với chúng ta **三十二億百千念** “**tam thập nhị ức bách thiên niệm**” (32 ức trăm ngàn niệm), trăm ngàn là mười vạn, 32 ức nhân mười vạn, thành 320 ngàn tỷ, một khảy ngón tay này; Một giây có thể khảy bảy lần, nhân cho 7, thành 2 triệu 240 ngàn tỷ, quá nhanh rồi, chúng ta không cách nào thể hội. Vì vậy nhìn thấy cảnh giới bên ngoài, cảnh giới là do ảo tướng sanh ra từ tâm động, vốn dĩ không có thứ gì chân thật, giống như nhìn thấy hình ảnh trên màn hình tivi vậy. Xem tivi, hình ảnh trên màn hình đều là do sóng dao động sanh ra. Tivi là một giây 100 lần, dao động 100 lần, chúng ta nhìn thấy giống như là thật vậy.

Hoàn cảnh hiện thực của chúng ta, mắt tai mũi lưỡi tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, một giây không phải là 32 ức trăm ngàn niệm, mà phải nhân với 7, thành 2 triệu 240 ngàn tỷ, đây chính là Thật tướng các pháp được nói trong kinh Phật, chân tướng của tất cả pháp là như vậy mà thôi. Bồ-tát biết, cho nên Bồ-tát buông xuống rồi. A-la-hán, Bích-chi-phật vẫn chưa biết, cho nên các ngài vẫn còn khởi tâm động niệm, các ngài vẫn còn phân biệt, các ngài không còn chấp trước, các ngài không chấp trước nữa. Đến Bồ-tát, không chỉ không chấp trước, mà cũng không còn tâm phân biệt. Nhất định phải đến [địa vị] Pháp thân Bồ-tát, như thế nào? Ở trong cảnh giới đó không khởi tâm, không động niệm. Không khởi tâm, không động niệm chính là Thiền định, chính là Tam-ma-địa, tương ứng với Tự Tánh vốn định. Thiền định lâu rồi, công phu sâu hơn, có thể làm được những gì? Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, trong lúc thấy sắc nghe tiếng không khởi tâm động niệm, trong kinh Phật gọi người này là Pháp thân Bồ-tát. Thật sự không khởi tâm, không động niệm nữa, nhưng ngài vẫn còn Tập khí của Khởi tâm Động niệm, Tập khí không trở ngại việc, chỉ gây chướng ngại các ngài không thể trở về Thường Tịch Quang; Nếu đoạn Tập khí này rồi thì các ngài trở về Thường Tịch Quang, trở về Thường Tịch Quang mới thật sự chứng được Vô thượng Bồ-đề, chứng được quả Phật cứu cánh. Quả Phật cứu cánh, trong Kinh Lăng Nghiêm nói: **歸無所得** “**Quy vô sở đắc**” (*Trở về vô sở đắc*), quý vị có đạt được không? Không có gì cả. Đó là cảnh giới gì? Quý vị hoàn toàn trở về Tự Tánh, những gì quý vị đạt được là Tự Tánh vốn có, vốn tự đầy đủ, không phải mới có được. Sau khi minh Tâm kiến Tánh, điều gì cũng là thành tựu hiện tiền, vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo đều hiện tiền. Ẩn hiện tự tại, có duyên thì hiện, không có duyên thì không hiện; Không hiện

chính là Thường Tịch Quang, hiện rồi chính là Pháp giới Nhất Chân, chính là Thật Báo Trang Nghiêm độ. Vì vậy đó là sống động, không phải là cứng nhắc, diệu dụng vô cùng. Vì sao lại hiện tướng? Để hóa độ chúng sanh, tiếp dẫn Bồ-tát trở về Thường Tịch Quang, đây là sự nghiệp lớn.

Chúng ta xem tiếp nghĩa thứ hai, **二者，如曇鸞大師《讚阿彌陀佛偈》曰：佛光能破無明闇，故佛又號智慧光。上句，義同前。下句，則表智慧光是彌陀聖號之一** “**nhị giả, như Đàm Loan Đại sư Tán A Mi Đà Phật Kệ viết: Phật quang năng phá Vô minh ám, cố Phật hựu hiệu Trí Huệ Quang. Thượng cú, nghĩa đồng tiền. Hạ cú, tắc biểu Trí Huệ Quang thị Mi Đà Thánh hiệu chi nhất**” (*thứ hai, như bài Kệ Tán A Mi Đà Phật của Đại sư Đàm Loan nói: Phật quang phá được Vô minh ám, nên Phật cũng hiệu Trí Huệ Quang. Câu đầu đồng nghĩa với phần trước, câu sau thì biểu thị Trí Huệ Quang là một trong những Thánh hiệu của đức Mi Đà*). A Mi Đà Phật được tôn xưng là Thập Nhị Quang Phật, đây là một quang minh trong số 12 quang minh, trí huệ quang này có thể phá Vô minh, không chỉ phá Vô minh, mà ngay cả Tập khí của Vô minh cũng được phá rất sạch sẽ, vào lúc ấy trở về Thường Tịch Quang một cách viên mãn, có nghĩa như vậy.

Chúng ta lại xem tiếp, Niệm lão đã nêu ra nguồn gốc của những kinh văn này cho chúng ta. **願我智慧光 “Nguyện ngã trí huệ quang”,** câu này là lời văn trích từ bản Tống Dịch trong năm bản dịch gốc. **在《唐譯》則為願獲如來無量光 “Tại Đường Dịch tắc vi nguyện hoạch Như Lai vô lượng quang”** (*Trong bản Đường Dịch là: nguyện*

được vô lượng quang của Như Lai), đây là bản Đường Dịch. Bản Tống Dịch đơn giản hơn, nguyên trí huệ quang của con. 據此則智慧光,

即無量光。且彌陀雖列十二名，實則一一名中，均圓攝餘之

光德 “Cứ thử tắc trí huệ quang, tức vô lượng quang. Thả Mi Đà

tuy liệt thập nhị danh, thật tắc nhất nhất danh trung, quân viên
nhiếp dư chi quang đức” (Căn cứ vào đây thì trí huệ quang chính là

vô lượng quang. Vả lại, tuy nêu ra đức Mi Đà có 12 danh hiệu, nhưng
trên thực tế thì trong mỗi một danh hiệu đều bao gồm hết những quang

đức khác), nên biết Trí Huệ Quang chính là Vô Lượng Quang, chính là

Vô Biên Quang, chính là Vô Ngại Quang, chính là Vô Đẳng Quang, chính

là Thường Chiếu Quang, chính là Thanh Tịnh Quang. Trong mỗi quang
minh đều bao gồm 11 tên gọi còn lại, viên dung vô ngại, một tức là

nhiều, nhiều tức là một. 是故下句即普照十方刹 “Thị cố hạ cú tức

phổ chiếu thập phương sát” (Cho nên câu sau chính là chiếu khắp cõi

nước trong mười phương), quang minh của A Mi Đà Phật chiếu khắp

vô lượng vô biên cõi nước chư Phật trong mười phương, trong đó còn

bao gồm chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại, chư Phật vị lai, chiếu
khắp tất cả. Trong cảnh giới ấy, chúng ta nói là không còn thời gian và

không gian nữa. Thời gian, không gian từ đâu có? Từ vọng niệm mà
có. Trong A-lại-da có thời gian, không gian, sau khi chuyển thức thành

trí, không còn thời gian không gian nữa. Quang minh chiếu khắp, cho
nên câu sau là “chiếu khắp cõi nước trong mười phương”. 無量光,

則橫遍十虛 “Vô lượng quang, tắc hoành biến thập hư” (Vô lượng
quang là ngang khắp mười phương hư không), “biến” là chiếu khắp,

đây là nói về không gian, **故無刹不照** “**cố vô sát bất chiếu**” (*cho nên không cõi nào không chiếu đến*), không có cõi nào không chiếu đến.

且此光明即是智慧 “**Thả thử quang minh tức thị trí huệ**” (*Hơn nữa, quang minh này chính là trí huệ*). Đại sư Huệ Năng nói với chúng ta: **何期自性，本自具足** “**Hà kỳ Tự tánh, bản tự cụ túc**” (*Nào ngờ Tự tánh vốn tự đầy đủ*), đầy đủ điều gì? Điều đầu tiên là vô lượng trí huệ (tức là vô lượng quang), vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, dùng ba câu này đã bao quát hết khắp Pháp giới Hư không giới trong ấy rồi. Trí huệ là năng chiếu, vạn vật là sở chiếu, tất cả vạn vật trong mười phương cõi nước là sở chiếu. **能照破眾生無明之垢**

闇 “**Năng chiếu phá chúng sanh Vô minh chi cấu ám**” (*Có thể chiếu soi phá trừ u ám cấu bẩn bởi Vô minh của chúng sanh*), Vô minh là nguyên nhân căn bản để khiến chúng ta trở thành chúng sanh trong Lục đạo. Vô minh từ đâu mà có? Trong kinh Đại thừa thường nói là —

念不覺 “**nhất niệm bất giác**” (*một niệm không giác*). Có thể thấy được Tự tánh là giác chứ không mê, đây là Phật. Nếu một niệm không giác, kéo theo niệm niệm không giác, vậy thì phiền phức lớn, đây chính là **無明不覺生三細** “**Vô minh bất giác sanh Tam tế**” (*Vô minh không giác sanh Tam tế*), trong một niệm không giác này thì sanh Tam tế tướng, Tam tế tướng chính là A-lại-da, Nghiệp tướng, Chuyển tướng, Cảnh giới tướng của A-lại-da. Nghiệp tướng chính là năng lượng mà hiện nay chúng ta nói, Chuyển tướng chính là Mạt-na thức, Cảnh giới tướng chính là hiện tượng vật chất. Chuyển tướng chính là ý niệm,

Khởi tâm Động niệm. Vì vậy, đức Phật thường nói, **一切法** “**nhất thiết pháp**” (*tất cả pháp*), đây là nói đến chín Pháp giới, từ đâu mà có? **從** **心想生** “**Tùng tâm tưởng sanh**” (*Từ tâm tưởng sanh*). Trong tâm không nghĩ gì cả thì không còn chín Pháp giới nữa.

Chúng ta tu Định, niệm Phật, niệm đến không còn một vọng niệm nào nữa, thì Tam-muội hiện tiền. Chúng ta dùng niệm Phật tu được Thiền định, gọi là Niệm Phật Tam-muội. Quý vị dùng phương pháp gì tu thành công thì kèm theo phương pháp đó vào, chính là danh xưng của Tam-muội. Tam-muội có tám vạn bốn ngàn, chính là tám vạn bốn ngàn Pháp môn, vô lượng Pháp môn, vô lượng Tam-muội, chỉ cần quý vị lìa tướng thì có thể thành tựu, không chấp trước cả hai bên Có và Không. Có tướng, tôi lìa rồi, tôi chứng được Không, không có gì cả; Như vậy vẫn còn, có cái Không tồn tại. Sau khi tu thành Không định thì đến đâu? Đến trời Vô Tướng, ở Đệ Tứ thiên, Đệ Tứ thiên có trời Vô Tướng, tu Vô tướng định thì đều đến đó, chưa ra khỏi Lục đạo luân hồi. Thọ mạng của cõi trời rất dài; Dù dài, nhưng cũng sẽ có lúc hết, thời gian hết rồi mà không thể thăng cấp lên thì sẽ rơi xuống dưới, cho nên ra không khỏi Lục đạo luân hồi. Kém rất xa so với niệm Phật, niệm Phật có thể vãng sanh Thế giới Cực Lạc, khi thọ mạng hết thì A Mi Đà Phật đến tiếp dẫn, bản thân quý vị rõ ràng sáng tỏ, tường tận thấu suốt.

Pháp môn này thù thắng, Pháp môn này là người nào cũng có phần, chỉ cần quý vị chịu học. Thậm chí là đến ngày cuối cùng khi lâm chung, ta mới tin, ta mới niệm Phật, cũng có thể vãng sanh. Chúng ta thấy được cha của Tổng giám đốc Tạ, đó chính là tấm gương tốt nhất. Cha anh ấy là người đại thiện, người tốt, không tin Phật, không niệm Phật, ông không tin A Mi Đà Phật, Thế giới Cực Lạc. Hai tiếng sau cùng

khi lâm chung, anh Tạ sốt ruột, không vãng sanh thì phải đến Lục đạo luân hồi, Lục đạo luân hồi phiền phức rất lớn, cho nên anh ấy lo lắng. Thời gian sau cùng ấy, anh hỏi cha mình: Cha có tin Thế giới Cực Lạc không, có thật đó? Cha anh ấy gật đầu. Anh vui vô cùng vui mừng, trước đó hỏi đều lắc đầu. Thế giới Cực Lạc có A Mi Đà Phật, cha có tin không? Ông cũng gật đầu. Anh ấy nói được rồi, con niệm Phật, cha niệm theo con. Niệm hơn một tiếng, cha anh ấy vãng sanh rồi. Tướng tốt vãng sanh hiếm có, lúc ấy có hơn 1000 người đến trợ niệm cùng anh, mọi người đều nhìn thấy, tôi nghe nói có người được hương thơm lạ, có nhìn thấy hoa sen. Nhiều người như vậy nhìn thấy rồi, đều tăng trưởng tín tâm, nhìn thấy tình cảnh ấy, họ nói niệm Phật thật sự không khó, trong kinh Phật nói rất đúng: một niệm, mười niệm sau cùng cũng có thể vãng sanh, ông lão chứng minh cho chúng ta, ông vãng sanh như vậy. Tiếp theo, **重顯智光妙用** “trùng hiển trí quang diệu dụng” (lại hiển bày diệu dụng của trí quang), có thể **消除垢冥** “tiêu trừ cấu minh” (tiêu trừ u ám cấu bẩn), “cấu minh” ở đây chính là ô nhiễm, chính là Vô minh, có thể giúp chúng ta phá Vô minh Phiền não.

Chúng ta xem tiếp đoạn bên dưới, đoạn thứ hai chính là **除垢濟難** “Trừ Cấu Tế Nạn” (Trừ Cấu Cứu Nạn).

【消除三垢冥。明濟眾厄難。悉捨三途苦。滅諸煩惱暗。】 “Tiêu trừ tam cấu minh, minh tế chúng ách nạn, tất xả Tam đồ khổ, diệt chư phiền não ám” (Tiêu trừ tam cấu minh, soi cứu các hoạn nạn, rời hết khổ ba đường, diệt mọi ám phiền não).

Chúng ta xem Niệm lão chú giải, **消除三垢冥** “**tiêu trừ tam cấu minh**”. **三垢者，貪瞋痴三毒之異名** “**Tam cấu giả, tham sân si tam độc chi dị danh**” (*Tam cấu là tên gọi khác của ba độc tham sân si*). A Mi Đà Phật phóng quang gia trì, tham sân si không dấy khởi, không còn ý niệm đó nữa. Ngài giải thích ở đây, **冥者，無知也** “**minh giả, vô tri dã**” (*minh là vô tri*), tức là Vô minh. Trong quyển thứ nhất của Luận Câu Xá nói: **以諸無知，能覆實義，及障真見，故為冥** “**Dĩ chư vô tri, năng phú Thật nghĩa, cập chướng Chân kiến, cố vi minh**” (*Vì các vô tri có thể che lấp nghĩa chân thật và chướng ngại kiến giải chân thật, nên gọi là minh*). Dùng chữ này để miêu tả. Ở đây Niệm lão nói rất hay, si chính là vô tri. Lần này, chúng tôi tham gia Hội nghị Hòa Bình ở Paris, họ đặc biệt sắp xếp cho chúng tôi gặp gỡ những tôn giáo ấy, ở trong một phòng hội nghị của Liên hiệp quốc. Người ngồi bên cạnh tôi là Đại sứ Tòa thánh, Giám mục của Vatican, ông ấy ngồi bên cạnh chúng tôi. Mọi người cùng trò chuyện, ông phát biểu cách nhìn của mình: thế giới ngày nay, xã hội của cả thế giới đều hỗn loạn bất an, nguyên nhân chủ yếu chính là chúng sanh vô tri. Nói rất hay! Phật pháp nói ngu si thật sự là nguyên nhân chủ yếu. Bởi vì ngu si, vô tri nên họ mới có tham, mới có sân hận, mới có ngạo mạn, mới có nghi ngờ. Cho nên tham, sân, mạn, nghi đều là từ si mà phát sanh, si chính là vô tri.

Lời dạy của đức Phật nhằm vào tật xấu này, đây gọi là tùy bệnh kê đơn thuốc. Đức Phật nói với chúng ta, Lục đạo luân hồi từ đâu mà có? Chính là từ tham sân si mạn nghi biến hiện ra. Ba đường ác từ đâu có? Ba đường ác là tham, sân, si, mạn, nghi lại cộng thêm oán, hận, não, nộ,

phiền, mười chữ; Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh từ đây mà có. Đức Phật dùng phương pháp gì để giáo hóa chúng sanh? Đức Phật dùng trí huệ. Trí huệ khởi dụng, thiên biến vạn hóa, cần dùng thân gì độ được thì hiện thân ấy, cần dùng phương pháp gì để giúp họ thì dùng phương pháp ấy. Đức Phật không có pháp nhất định để nói, cũng không có hình tướng nhất định, tùy theo người mà có khác biệt, vậy là được đại tự tại. Giáo hóa, chẳng qua là giúp họ phá mê khai ngộ, tức là giúp họ giác ngộ. Khổ nạn của họ chính là bởi vì vô tri, đức Phật giúp họ giác ngộ, giúp họ biết, hiểu được chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Sau khi hiểu rõ chân tướng, họ tự nhiên buông xuống; Không cần phải khuyên họ, họ tự nhiên buông xuống thôi, buông xuống là đúng, không có sai lầm.

Nhà Phật nói: **破迷開悟，離苦得樂** “**Phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc**” (*Phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui*), làm rõ chân tướng rồi, thế giới này khổ như thế, khiến chúng ta nghĩ đến Lục đạo luân hồi trong cõi nước của tất cả chư Phật đều khổ, có lẽ cũng gần như nhau, có tốt thì cũng không tốt hơn được bao nhiêu, Thế giới Cực Lạc thật sự vui. Phá mê khai ngộ thì khó, không dễ; Còn vãng sanh Thế giới Cực Lạc thì rất dễ, không khó, vấn đề chỉ cần tin được. Khó ở đâu? Khó ở chỗ quý vị không chịu tin, khó ở chỗ quý vị không có cách đoạn trừ nghi hoặc. Vậy làm sao đây? Kinh giáo, chính là Như Lai thuyết pháp. Năm xưa đức Phật thuyết pháp, đức Phật ở Ấn Độ, các đệ tử ghi chép lại pháp do đức Phật đã thuyết, từ đó trở thành kinh điển, dùng chữ Phạn ghi lại. Bắt đầu từ Hán Minh đế của triều đại nhà Hán, mãi cho đến nhà Đường Tống, rất nhiều kinh Phật được truyền từ Ấn Độ sang Trung Hoa, Đại thừa Tiểu thừa, Hiển giáo Mật giáo đều truyền đến Trung Hoa rồi. Những vị Đại sư ở Ấn Độ, những vị Đại đức ở Trung Hoa tham gia vào công tác phiên dịch, dùng chữ viết Trung Hoa để

phiên dịch, dùng văn ngôn văn dễ hiểu để viết lại, để mọi người đều hiểu được. Người đọc sách thông thường đều có thể đọc hiểu kinh Phật, kinh Phật đơn giản hơn văn cổ, cũng tức là gần với văn bạch thoại. Vì vậy, khi phiên dịch, trong lịch sử Văn học Trung Hoa gọi là biến văn, chữ “biến” trong biến hóa, biến thông, rất đơn giản, rất dễ hiểu, so với văn cổ (tác phẩm thông thường của Trung Hoa), quý vị mở ra đọc rất đơn giản, quý vị cảm thấy rất dễ hiểu.

Rất nhiều kinh điển tiếng Phạn đã thất truyền, đến nay tìm không được nữa, năm xưa khi tôi học Phật, tôi rất nghi ngờ, tôi thỉnh giáo với thầy tôi là Tiên sinh Phương Đông Mỹ: vì sao nhiều kinh điển tiếng Phạn không còn lưu giữ lại? Thầy nói với tôi, đây là lòng tự tin của dân tộc, chúng ta có thể khẳng định [kinh điển] đã phiên dịch thì không phiên dịch sai, không dịch sai ý nghĩa, được lưu giữ lại hoàn toàn, đổi cách thức truyền đạt, dùng văn ngôn văn chữ Hán của Trung Hoa để phiên dịch. Điểm tốt của văn ngôn văn chữ Hán Trung Hoa, chính là không bị hạn chế bởi thời gian, không gian, bất luận là người nước nào, học văn ngôn văn chữ Hán thì quý vị đều có thể đọc hiểu; Hơn nữa còn vượt qua thời gian, vì sao vậy? Vì chữ Hán không biến đổi, 2000 năm trước hữu hiệu, ngày nay của 2000 năm sau cũng hữu hiệu, trải qua thêm 2000 năm nữa vẫn hữu hiệu. Đây là chữ viết của cả thế giới, chữ viết của mỗi quốc gia, chủng tộc đều không sánh bằng Trung Hoa, chữ viết Trung Hoa vượt khỏi thời gian không gian. Chữ viết của nước ngoài thì không được, vì sao vậy? Vì chữ viết nước ngoài là chữ viết phiên âm, chữ Phạn là phiên âm, chữ Tây Tạng cũng là phiên âm, chữ viết phiên âm bị hạn chế. Quý vị xem, các chuyên gia học giả thông thường nói với chúng ta, khoảng 200 năm, chữ viết có sự biến đổi, sự biến đổi rất lớn, họ đọc không hiểu chữ viết ấy. Nhất định phải có chuyên gia dùng chữ viết thời nay để viết lại một lần, rất phiền phức,

200 năm phải viết lại một lần, không viết thì không ai đọc được. Chữ Hán thì không như vậy, điểm tốt của chữ Hán là ở chỗ này. Người Trung Hoa có lòng tin, dùng chữ viết của chúng ta để lưu lại, có thể [trải qua] ngàn năm vạn đời, người đời sau cũng có thể đọc hiểu được, cũng sẽ không hiểu sai ý nghĩa, lợi ích này quá lớn rồi.

Tôi nhớ vào những năm 1980, lần đầu tiên về nước, tôi đến Bắc Kinh thăm Triệu Phác lão, hình như là năm 1984. Lần đầu tiên chúng tôi gặp gỡ, đồng hương, ông tiếp đãi tôi, chúng tôi trò chuyện suốt bốn tiếng rưỡi. Mời chúng tôi dùng cơm tối, có khoảng hơn 30 người đi cùng tôi, ông đều mời hết, đãi ba - bốn bàn. Tôi liền nêu ra, kinh điển chữ Tây Tạng vẫn có một phần không có trong chữ Trung Hoa, tức là không có trong chữ Hán, tôi nhắc nhở Phác lão, phải mau chóng dịch sang chữ Hán, tương lai mới không đến nỗi bị thất truyền. Bởi vì người biết chữ Tây Tạng càng ngày càng ít, sau 200 năm, thật sự, dù vẫn còn kinh điển, nhưng không ai có thể đọc được. Hiện nay vẫn còn một số người đọc được, mau chóng phiên dịch, đây là việc lớn trong nhà Phật. Kinh điển chữ Pali của Nam Truyền, gần như chúng ta đã phiên dịch hết rồi, kinh Tiểu thừa, hơn 3000 bộ. Điều này là Đại sư Chương Gia nói với tôi, trong Đại Tạng Kinh tiếng Hán của chúng ta, kinh Tiểu thừa, so với kinh điển tiếng Pali của Nam Truyền, bên đó chỉ hơn chúng ta khoảng năm mươi mấy bộ. Quý vị xem, 3000 bộ mà chỉ nhiều hơn năm mươi mấy bộ, gần như là phiên dịch hết rồi, việc này tốt. Cho nên phiên dịch chữ Tây Tạng thành chữ Hán là việc rất cần thiết, điểm tốt của chữ Hán là lưu truyền được lâu xa. Tôi nghe nói trong chữ Mông Cổ cũng có rất nhiều bộ mà trong chữ Hán chúng ta không có, Tạng Kinh bằng tiếng Mông Cổ có lẽ là phiên dịch trực tiếp từ tiếng Tây Tạng, tôi nghe nói Kinh Vô Lượng Thọ có hơn 30 bản, những bản ấy đều là tư liệu tham khảo quan trọng nhất. Hiện nay, người biết chữ Mông Cổ

ít hơn rồi, có một vị giáo sư Kim mà tôi quen biết, ông chính lý Đại Tạng Kinh chữ Mông Cổ, tôi giúp ông xuất bản, như vậy, Đại Tạng Kinh Mông Cổ lại được lưu giữ thêm một thời gian. Nhưng [nếu] không dịch sang chữ Hán, 200 năm sau, không ai biết đọc chữ Mông Cổ, cũng không ai biết đọc chữ Mãn Châu, nội dung Đại Tạng Kinh chữ Mãn Châu có lẽ cũng xấp xỉ với chữ Mông Cổ. Đây là điều vô cùng quan trọng, chúng ta chẳng thể không biết.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, trong quyển thứ nhất của Luận Câu Xá nói, **以諸無知** “**dĩ chư vô tri**” (vì các vô tri), chư là nhiều, quá nhiều sự vô tri. **能覆實義** “**Năng phú Thật nghĩa**” (có thể che lấp nghĩa chân thật), “Thật nghĩa” chính là Thật tướng các pháp, chướng ngại tướng chân thật của tất cả pháp rồi. **及障真見** “**Cập chướng Chân kiến**” (và chướng ngại kiến giải chân thật), Chân kiến chính là trí huệ chân thật vốn có trong Tự Tánh, sự vô tri này có thể chướng ngại Chân kiến, cho nên gọi là **冥** “**minh**” (u ám), dùng chữ này để tượng trưng. **明濟眾厄難** “**Minh tế chúng ách nạn**”, chữ “minh” có nghĩa là hiển, rõ ràng; có nghĩa là đủ, đầy đủ; có nghĩa là thạnh; có nghĩa là thành; có bốn ý nghĩa này. **濟** “**tế**” là cứu giúp, có nghĩa là vượt qua, như qua sông, giúp họ bình an đi qua, đây đều là ý nghĩa của chữ “tế”. Câu kinh văn này, **《會疏》本作廣濟** “**Hội Sớ bốn tác quảng tế**” (trong bản Hội Sớ là quảng tế), kinh văn ở đây là **明濟** “**minh tế**”, **故知明濟即廣度之義** “**cố tri minh tế tức quảng độ chi nghĩa**”

(*nên biết mình tế có nghĩa là rộng độ*). 厄 “Ách” là nạn, là chướng, chướng ngại; là trói buộc, là nạn, có những ý nghĩa như vậy. 難, 苦 難、災難、困難也。故此二句之淺釋 “Nạn, khổ nạn, tai nạn, khổ nan dã. Cố thử nhị cú chi thiện thích” (*Nạn là khổ nạn, tai nạn, khó khăn. Nên sự giải thích dễ hiểu về hai câu này*), giải thích dễ hiểu chính là 消除眾生貪瞋痴三毒之垢暗 “tiêu trừ chúng sanh tham sân si tam độc chi cấu ám” (*tiêu trừ cấu ám bởi ba độc tham sân si của chúng sanh*), chữ “cấu” ở đây nghĩa là trần cấu, ô nhiễm, 廣救種種痛苦與災難。厄難眾多無數，故云眾厄難 “quảng cứu chúng chúng thống khổ dữ tai nạn. Ách nạn chúng đa vô số, cố vân chúng ách nạn” (*cứu giúp rộng khắp các đau khổ và tai nạn. Ách nạn nhiều vô số, nên gọi là các ách nạn*).

Hiện nay chúng ta đọc kinh văn này, cảm nhận rất sâu, vì sao vậy? Vì các ách nạn ở ngay trước mắt chúng ta, những gì chúng ta nhìn thấy, nghe thấy, tiếp xúc hằng ngày đều là ách nạn. Mười năm trước đọc kinh văn này, cảm nhận của chúng ta không sâu sắc như bây giờ, vì sao vậy? Vì vào thời đó có tai nạn, nhưng ít hơn rất nhiều so với bây giờ; So sánh hiện nay với 10 năm trước, gần như là nhiều hơn gấp 10 lần. Mười năm trước thường nghe thấy tai nạn, cũng chỉ một phần mười, hiện nay đã gấp 10 lần. Về sau, năm sau nhiều hơn năm trước, vậy phải làm sao? Không thấy tai nạn có thể giảm bớt, mà chỉ càng tăng lên, càng ngày càng nghiêm trọng. Chúng ta may mắn gặp được Phật pháp, gặp được Tịnh tông, nếu không gặp được Tịnh tông thì chúng ta không trừ được sự lo nghĩ. Gặp được Tịnh tông, làm rõ ràng, sáng tỏ đối với

Tịnh tông rồi, không nghi ngờ nữa, thật sự tin thì chúng ta có lối thoát. Chúng ta nhìn thấy tai nạn càng nhiều, tâm niệm Phật của chúng ta càng khẩn thiết, tâm cầu sanh Tịnh Độ càng ngày càng kiên định, buông xuống vạn duyên, thật sự buông xuống rồi. Giúp đỡ xã hội này, hoàn toàn là tùy duyên. Có duyên thì làm, luôn giúp đức Phật giáo hóa chúng sanh, cũng tức là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui; Không có duyên thì không miễn cưỡng, như vậy là được. Học Phật phải khai trí huệ, phải phá Vô minh, phải biến vô tri thành hữu tri. Hình như người giác ngộ hiện nay nhiều hơn 10 năm trước, có lẽ 10 năm trước, duyên mà chúng tôi tiếp xúc được khá hạn hẹp, hiện nay, duyên mà chúng tôi tiếp xúc được rộng hơn. Niệm niệm của chúng ta phải tương ứng với A Mi Đà Phật, phải giúp A Mi Đà Phật, thành tựu hoằng nguyện của A Mi Đà Phật: rộng độ chúng sanh. Chúng ta gặp được người khác đều phải khuyên người khác niệm A Mi Đà Phật, đều khuyên người khác cầu sanh Thế giới Cực Lạc, điều này rất quan trọng, không thể xem nhẹ. Như vậy tức là họ thật sự tin rồi, biết đâu họ thật sự có thể tránh khỏi tai nạn, hóa giải tai nạn.

佛之智光, 悉能明濟 “Phật chi trí quang, tất năng minh tế”

(Trí quang của đức Phật đều có thể soi cứu), trí quang của đức Phật ở đâu? Kinh giáo chính là trí quang của đức Phật. Tối hôm qua, có một đồng tu tặng tôi một bộ sách, tôi vừa xem, in vào năm 22 Dân Quốc, 15 quyển thiếu mất một quyển, còn 14 quyển, nội dung đều nói đến nhân quả báo ứng, chia thành 15 loại. Là Hoằng Hóa Xã tặng, Hoằng Hóa Xã là do Đại sư Ấn Quang sáng lập, đưa tôi xem, mong rằng tôi có thể in ấn, tôi nói không thành vấn đề, tôi nhận lời họ, tôi cho in 10 ngàn bộ. Đều là sự thật, thiện có quả thiện, ác có ác báo. Xã hội ngày nay trở thành như vậy, [là do] không có ai giảng nhân quả nữa. Năm

xưa, tôi vẫn còn nhớ, khi tôi còn nhỏ, khắp nơi đều nói đến nhân quả. Đặc biệt là quán trà, hiện nay không còn quán trà nữa, ngày xưa có quán trà, không có việc gì thì ngồi trong quán trà uống trà trò chuyện, nghe Đại Cổ thư, nghe kể chuyện, nhân quả báo ứng, hiểu để trung tín, đều giảng những điều này. Thời kỳ kháng chiến vẫn còn, sau khi thắng lợi thì không còn nữa, tôi không còn thấy nữa. Thời kỳ kháng chiến có, quý vị xuống dưới quê, thấy được khắp nơi, chỉ cần quý vị vừa bước vào quán trà, quý vị liền nghe được có người thuyết thư, chúng tôi khi còn trẻ con rất thích nghe, nghe kể chuyện. Đây là nghệ thuật dân gian, họ tuyên truyền đạo đức, nội dung nói đến thật sự là tuân thủ theo nguyên tắc của Phu tử, 思無邪 “**tư vô tà**” (*suy nghĩ không có tà*), sẽ không làm cho quý vị có tư tưởng lệch lạc, sai lầm. Vì vậy, những người thuyết thư ấy đều đang giáo hóa chúng sanh, tuy thu nhập của họ rất thấp. Sau khi kể xong, trên người thánh chúng có mang theo một ít tiền lẻ, cho vài đồng tiền, lúc đó vẫn dùng tiền đồng. Vậy rất vất vả, nhưng việc họ làm là công đức, việc họ làm là việc tốt.

Tiếp theo, trong sách Hội Sớ nói, 三垢是貪瞋痴。此三垢染心性 “**tam cấu thị tham sân si. Thử tam cấu tâm tính**” (*tam cấu là tham sân si, ba cấu này làm ô nhiễm tâm tánh*), đó chính là ô nhiễm, ô nhiễm tâm tánh của chúng ta; Trên thực tế thì không phải, tâm tánh là thanh tịnh, sao lại có ô nhiễm? Hình như là ô nhiễm, đó là A-lại-da, Chủng tử lưu lại trong A-lại-da, Chủng tử này gây chướng ngại, tâm tánh không khởi tác dụng. Tâm tánh là Chân Tâm, Chân Tâm không khởi tác dụng, ô nhiễm khởi tác dụng, cho nên gọi đó là cấu, cấu chính là ô nhiễm. 令眾生盲冥 “**Linh chúng sanh manh minh**” (*Khiến cho*

chúng sanh mù tối), tức là vô tri, bởi vì họ bị ô nhiễm rồi, tâm không thanh tịnh nữa. Tâm không thanh tịnh, tùy thuận những phiền não, tri kiến sai lầm này, do đó mù mờ vô tri đối với chân tướng sự thật, nghĩ sai, nhìn sai, nói sai, làm sai, đây gọi là tạo nghiệp. Nghiệp có thiện có ác, nghiệp thiện thì sanh ba đường thiện, nghiệp ác thì sanh ba đường ác, đây chính là Lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi từ tâm tưởng sanh, phải biết điều này.

Trong Tả Truyện, Tả Khâu Minh có một câu nói, **人棄常則妖興** “**nhân khí thường tắc yêu hưng**” (*người bỏ lẽ thường thì yêu ma thịnh*), hiện nay chúng ta thấy được câu này rồi. “Thường” là gì? “Thường” là đạo đức, Ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nếu người từ bỏ năm chữ này, trở thành thế nào? Bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô trí, vô tín, họ không phải là người nữa, là gì? Là yêu ma quỷ quái. Cho nên người từ bỏ Ngũ thường, không cần nữa, thì xã hội liền biến thành yêu ma quỷ quái, chính là hiện nay. Vì vậy, giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục Thánh Hiền phải mau chóng được trùng hưng, tốt nhất là bắt đầu từ trẻ em. Tôi cũng nghe nói chính phủ Hong Kong có thể đồng ý mở hệ thống trường liên cấp, chỉ là hệ thống trường học này tự mình phụ trách, chính phủ không trợ cấp. Nếu có điều lệ như vậy, có người đang làm, làm từ Mầm non đến Tiểu học, lại nâng cấp lên, mở Trường Trung học, mở Trường Đại học. Cũng có thể mở Viện Nghiên cứu, không có học vị của trường học, nhưng có bản lĩnh thật sự. Chính phủ có thể đồng ý với cách làm này, tương lai khi những học viên ấy ra trường, chúng tôi tiếp tục mở hệ thống trường liên cấp, đào tạo Thánh Hiền. Nơi ấy không có Tiến sĩ, Thạc sĩ, chỉ có Thánh nhân, có Hiền nhân, có Thánh Hiền xuất hiện thì chúng sanh có phước rồi. Thật sự có thể xuất hiện Thánh Hiền không? Tôi tin

thật sự có thể. Vì sao vậy? Vì Tổ tiên của chúng ta, Phật Bồ-tát sẽ hạ phàm, sẽ đầu thai đến nhân gian để cứu đời, các Ngài ra đời từ đây, các Ngài có trí huệ lớn, các Ngài thật sự giải quyết được vấn đề. Cho nên đây đều là việc tốt, đều là tin tốt lành.

Tiếp theo nói là **令眾生盲冥** “**linh chúng sanh manh minh**” (khiến chúng sanh mù tối), tức là khiến chúng sanh vô tri, **是流轉因** “**thị lưu chuyển nhân**” (là nhân trôi lăn), tức là sanh tử luân hồi, Lục đạo luân hồi từ đâu có? Từ đây mà có. **眾厄難, 是其果, 謂六趣四生也** “**Chúng ách nạn, thị kỳ quả, vị lục thú tứ sanh dã**” (Các ách nạn là quả của nó, là tứ sanh trong Lục thú), Lục thú tức là Lục đạo, Tứ sanh: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, là nói bốn hình thức sinh sản khác nhau của chúng sanh, chúng sanh trong Lục đạo. **佛光普流清淨、歡喜、智慧之德, 消除三垢重障之冥。集因既滅, 苦果盡止** “**Phật quang phổ lưu thanh tịnh, hoan hỷ, trí huệ chi đức, tiêu trừ tam cấu trọng chướng chi minh. Tập nhân ký diệt, khổ quả hạp chi**” (Phật quang lưu lộ rộng khắp đức thanh tịnh, hoan hỷ, trí huệ, tiêu trừ sự tối tăm của tam cấu trọng chướng. Nhân tập đã diệt, quả khổ sao có thể không dừng), đây là bước đầu của lìa khổ được vui. Phật quang là nói đến giáo dục của đức Phật, giáo dục của đức Phật giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Giáo dục của đức Phật thật sự thanh tịnh, người học tập [được] hoan hỷ, khai trí huệ. Khai trí huệ rồi, “tam cấu trọng chướng” chính là tham sân si, tiêu trừ tham sân si rồi. Nhân tập đã diệt, chữ “tập” này, tiêu diệt nhân khổ của tập đế. Tập đế,

tập tức là tập kết, tập kết gì? Tập kết phiền não, tập kết nghiệp thiện ác, tập kết thiện là quả báo ba đường thiện, tập kết ác là quả báo ba đường ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Cho nên đây là nhân khổ của Lục đạo. Nhân khổ được tiêu diệt, không tạo những nghiệp này nữa, những nghiệp này đều là nhiễm nghiệp, không tạo những nghiệp này nữa. Rõ ràng nhất là chúng ta buông xuống những điều này, thiện ác đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, thật sự buông xuống nghiệp của Lục đạo luân hồi rồi. Quả khổ sao có thể không dừng, kết thúc quả khổ trôi lăn, trôi lăn chính là Lục đạo luân hồi, chúng ta vượt khỏi Lục đạo luân hồi, không còn tạo những nghiệp của Lục đạo luân hồi nữa. Cho nên gọi là “quảng tế”, quảng là rộng lớn, phổ biến, giúp đỡ Lục đạo luân hồi, thoát khỏi biển khổ, có nghĩa như vậy.

Hai câu cuối cùng, **悉捨三途苦，滅諸煩惱暗** “**tất xả tam đồ khổ, diệt chư phiền não ám**” (lìa hết khổ ba đường, diệt mọi ám phiền não), **承上文而言。消除三毒** “**thừa thượng văn nhi ngôn. Tiêu trừ tam độc**” (tiếp nối văn trên để nói. Tiêu trừ ba độc), ba độc chính là tham sân si. Vậy thì quý vị lìa ba đường ác rồi. **蓋三途極苦，大聖垂慈，願令捨離。故四十八願之首** “**Cái tam đồ cực khổ, Đại Thánh thù từ, nguyện linh xả ly. Cố tứ thập bát nguyện chi thủ**” (Vì ba đường ác cực kỳ khổ, bậc Đại Thánh rủ lòng từ, nguyện giúp họ thoát khỏi. Nên nguyện đầu tiên trong 48 nguyện), nguyện thứ nhất, nguyện thứ nhất là nguyện cõi nước không có đường ác và nguyện không đọa đường ác. Thế giới Cực Lạc không có ba đường ác, Phàm Thánh Đồng Cư ở chỗ chúng ta là sáu đường, ở Thế giới Cực Lạc chỉ

có hai đường: Trời và Người; không có A-tu-la, không có La-sát, không có Địa ngục, không có Nga quỷ, không có Súc sanh, cho nên không đọa đường ác. Chúng ta có nghiệp nhân của ba đường ác, ở Thế giới Cực Lạc không có quả báo của ba đường ác, không có duyên của ba đường ác, cho nên tham sân si được đoạn sạch một cách rất tự nhiên, hơn nữa còn đoạn hết rất nhanh, tham sân si không dấy khởi. Chỗ chúng ta vì sao dấy khởi tham sân si? Vì dục vọng vô hạn, mà tài nguyên thì có hạn, cho nên có Cầu bất Đắc khổ, hằng ngày mong cầu thì khởi tâm tham. Tài nguyên ở Thế giới Cực Lạc quá nhiều, quý vị muốn vàng ròng, vàng ròng ở Thế giới Cực Lạc dùng để trải lên mặt đất, như xi măng của chúng ta vậy, quá nhiều rồi, quý vị cần để làm gì? Vì vậy không còn tham vàng ròng nữa. Báu vật, đá quý, kim cương ở Thế giới Cực Lạc dùng để làm gì? [Làm] vật liệu xây dựng. Ai lại dùng vật liệu xây dựng, vật trải đường đeo lên người chứ? Không có. Những thứ này ở Thế giới Cực Lạc nhiều lắm, lấy không hết, dùng chẳng cạn, cho nên khiến quý vị nhìn thấy thì chán, sẽ không khởi tâm tham. Cho nên duyên tốt, A Mi Đà Phật thấy đều nghĩ đến, quý vị có phiền não tham sân si, đến Thế giới Cực Lạc không có duyên để tham sân si, rất dễ đoạn trừ, không còn ý niệm này nữa. Đây là hai nguyện đầu trong 48 nguyện.

今云悉捨三途苦 “Kim vân tất xả tam đồ khổ” (Ở đây nói là hết khổ của ba đường), hoàn toàn tương đồng với ý nghĩa của hai nguyện đầu trong 48 nguyện. **暗 “Ám”** là tỉ dụ, **無明煩惱覆蔽眾生** **心源 “Vô minh Phiền não phú tế chúng sanh tâm nguyên”** (Vô minh Phiền não che lấp nguồn tâm của chúng sanh). Tự Tánh là quang minh, Tự Tánh lưu xuất ra là trí huệ. Tự Tánh là sáng, hiện nay không còn sáng nữa, cho nên đức Phật dùng danh từ gọi là Vô minh, đánh

mất quang minh rồi; Không phải đánh mất, mà là có chướng ngại, thứ gì chướng ngại? Phiền não, phiền não chướng ngại Tự Tánh liền trở thành Vô minh, vốn dĩ là minh, nhưng lại trở thành Vô minh. Nó chướng ngại Chân Tâm của chúng sanh, nguồn tâm này là Chân Tâm, chướng ngại rồi, che lấp rồi, cho nên trở thành Vô minh. 昏昧冥盲而

無所見 “Hôn muội minh manh nhi vô sở kiến” (*U ám mù tối nên*

không thấy được), vô sở kiến là thấy không được chân tướng, thấy được đều là giả tướng. Hiện nay nhà khoa học dùng thiết bị tối tân nhìn thấy chân tướng của vật chất, dùng thiết bị quan sát đo đạc được, vật chất là gì? Vật chất là ảo tướng được sanh ra bởi sóng dao động trong tần số cao của ý niệm, không phải là thật. Ảo tướng này chính là căn bản của vật chất, gọi là neutrino. Kích thước của neutrino thế nào? Không chỉ mắt thịt của chúng ta không nhìn thấy, mà kính hiển vi thông thường cũng nhìn không thấy. Nhà khoa học nói với chúng ta, 10 tỷ neutrino, tức là con số là 10 tỷ, tập hợp lại với nhau, thể tích của nó bằng một electron, electron trong nguyên tử, bằng với một electron; Cũng có nghĩa là, vật chất cơ bản này là một phần mười tỷ electron, tất cả hiện tượng vật chất của chúng ta đều do nó tổ hợp thành. Vì vậy,

trong Kinh Kim Cang nói: **一合相** “Nhất hợp tướng” (*Một hợp tướng*), một chính là neutrino, Phật giáo không gọi là neutrino, Phật giáo gọi là Cực vi sắc, vật chất cực kỳ nhỏ bé, sắc chính là vật chất. Nó không thể nhỏ hơn nữa, nếu tách vật chất này ra thì không còn nữa, không còn hiện tượng vật chất nữa. Khoa học thật sự tìm được neutrino, phá vỡ neutrino, không còn nữa, không còn hiện tượng vật chất nữa, nhìn thấy gì? Nhìn thấy là ảo tướng sanh ra từ sóng dao động của ý niệm, như vậy mới thật sự làm sáng tỏ, làm rõ ràng về hiện tượng

vật chất.

Nhà khoa học hiện nay đang tập trung tìm vấn đề thứ hai: ý niệm, ý niệm là gì? Chúng tôi tin rằng 2 - 30 năm sau, cũng tìm được ý niệm là gì rồi. Sau khi tìm được, nói với quý vị, cũng không phải là thật, đó là hiện tượng thứ hai của A-lại-da, là Chuyển tướng. Chuyển tướng là gì? Nó có thể biến đổi. Cho nên vật chất biến đổi theo ý niệm, ý niệm sản sinh ra vật chất, ý niệm có thể thay đổi vật chất. Phát hiện này hay, vì sao hay? Vì mọi người thật sự tin rồi, dùng ý niệm có thể giúp thân thể khỏe mạnh, có thể trị liệu bệnh tật, không cần phải dùng thuốc men, cũng không cần dùng thuốc bổ, đều không cần. Ý niệm, ý niệm tốt thì quý vị có sức khỏe tốt; Ý niệm tốt thì hoàn cảnh sinh sống tốt, hoàn cảnh sinh sống ấy không có tai nạn. Thế giới Cực Lạc không có tai nạn, vì sao vậy? Vì tâm của mỗi người đều tốt. Tâm làm thế nào mà tốt? Niệm A Mi Đà Phật. Hiện nay chúng ta biết, ý niệm tốt nhất trong vũ trụ là niệm A Mi Đà Phật, ý niệm này quá tốt rồi, ý niệm này tạo thành Thế giới Cực Lạc. Vì vậy, khởi tâm động niệm, ý niệm gì cũng không sánh bằng A Mi Đà Phật. Bây giờ chúng ta mới tìm được, mới phát hiện, sau khi tìm được thì phải nắm bắt, không thể để ý niệm đó mất đi, một ý niệm nối tiếp một ý niệm đều là A Mi Đà Phật, vậy thì đúng rồi.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ này nói, khi người thế gian chúng ta gặp phải nguy cấp, lúc nguy hiểm, A Mi Đà Phật khuyên chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ-tát. Nguyên lực của Bồ-tát Quán Thế Âm rất lớn, cứu khổ cứu nạn, quý vị thật sự niệm ngài, ngài thật sự cứu quý vị, tức là phải có tín tâm kiên định, hết lòng nương nhờ, Bồ-tát Quán Âm phù hộ quý vị. Đoạn kinh văn này, chúng tôi in thành một tấm thẻ nhỏ, tấm thẻ nhỏ in Quán Âm ngàn tay, mong rằng nhắc nhở mọi người, gặp phải nạn nguy cấp thì thật sự hiệu quả, buông xuống tất cả vọng niệm,

nhất tâm chuyên niệm Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Đây là A Mi Đà Phật khuyên chúng ta, Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên chúng ta, tuyệt đối không phải là vọng ngữ, người tin thì có phước rồi, người không tin thì bỏ lỡ ngay trước mặt, vậy thì rất đáng tiếc! Trí quang của đức Phật ví như mặt trời, **佛智能照破無明煩惱，如日破暗，故云滅諸煩惱暗也** “Phật trí năng chiếu phá Vô minh Phiền não, như nhật phá ám, cố vân diệt chư phiền não ám dã” (Trí của đức Phật có thể soi sáng phá trừ Vô minh Phiền não, như mặt trời phá tan bóng tối, nên gọi là diệt mọi ám phiền não). Chúng ta thật sự làm sáng tỏ, thật sự làm rõ ràng rồi, giải quyết tất cả khó khăn gian nan thì chỉ một câu Phật hiệu này, thật sự có hiệu quả.

Chúng ta xem tiếp đoạn bên dưới, đoạn thứ ba là **開慧達善** “**Khai Huệ Đạt Thiện**”, hiệu quả càng ngày càng thù thắng.

【開彼智慧眼。獲得光明身。閉塞諸惡道。通達善趣門。】 “Khai bỉ Trí Huệ nhãn, hoạch đắc quang minh thân, bế tắc chư ác đạo, thông đạt thiện thú môn” (Khai Trí Huệ nhãn họ, đạt được thân quang minh, đóng bít các đường ác, thông đến cửa đường thiện).

Trong **善趣門** “**thiện thú môn**” (cửa đường thiện), đường thiện bậc nhất chính là Thế giới Cực Lạc. Chúng ta xem Chú Giải của Niệm lão, hai câu đầu, **開彼智慧眼，獲得光明身** “**khai bỉ Trí Huệ nhãn, hoạch đắc quang minh thân**”. **眼之用為見。故常以眼表見**

“Nhãn chi dụng vi kiến. Cổ thường dĩ nhãn biểu kiến” (*Tác dụng của mắt là thấy, nên thường dùng mắt biểu thị cho cái thấy*), cái thấy này là cách nhìn của chúng ta, cách nhìn đối với nhân sinh, cách nhìn đối với vũ trụ, cách nhìn đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, đều gọi là thấy. 常喻 **“Thường dụ”** (*Thường ví dụ*), trong kinh Phật thường dùng ví dụ nói, 般若如目, 餘度如盲 **“Bát-nhã như mục, dư độ như manh”** (*Bát-nhã như mắt, các độ khác như mù loà*). Lục độ, Lục ba-la-mật, trong Lục ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật là quan trọng nhất, vì sao vậy? Vì đó là trí huệ. Năm độ còn lại: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, năm độ này, nếu trong năm độ này không có Trí huệ Bát-nhã thì những gì tu được là phước báo, phước báo trong trời người. Nếu có trí huệ, có trí huệ là gì? Quý vị tu năm độ trước, mà không chấp trước tướng của tu năm độ. Tức là nói Bố thí, tôi không để Bố thí ở trong tâm, bố thí xong rồi thì tâm địa thanh tịnh, không để ở trong tâm, đây là Bát-nhã. Trì giới cũng như vậy, trì giới không chấp tướng của Trì giới; Chấp trước thì hỏng rồi, phân biệt thì hỏng rồi, không có Phân biệt, không có Chấp trước. Nhẫn nhục cũng thế, Tinh tấn, Thiền định đều như vậy, trong đó có Bát-nhã, đó chính là Pháp môn tu của Bồ-tát. Sáu điều này là cương lĩnh, trong mỗi điều đều vô lượng vô biên. Quý vị nói về Bố thí, bất luận là Bố thí tài, Bố thí pháp, Bố thí Vô úy thì vô lượng vô biên chúng sanh đều được lợi ích của sự bố thí. Làm nhiều việc tốt như vậy, nếu để trong tâm thì tâm bị ô nhiễm rồi, không còn trí huệ nữa; Không để trong tâm là trí huệ, tâm địa thanh tịnh trong sạch, không nhiễm một bụi trần, làm vô lượng vô biên công đức, sự thành tựu này là công đức được tích lũy trên quả địa thành Phật, gọi là tích công lũy đức, từ đây mà có.

Người thông thường chúng ta đều không có Trí huệ Bát-nhã, việc

đã làm vẫn ghi nhớ ở trong tâm. Lại còn ghi ra những việc đã làm, tìm quyển sổ ghi lại, đó chính là Công Quá Cách, mỗi ngày tôi làm bao nhiêu việc tốt, làm bao nhiêu việc không tốt, ghi ra, so sánh hai điều, đó là gì? Đoạn ác tu thiện. Bước đầu thì dùng phương pháp này, sau khi dùng quen rồi thì không thể dùng nữa, vì sao vậy? Vì phải thăng cấp, đây là việc làm của học sinh Tiểu học, lên đến sinh viên thì không cần nữa, đến Bồ-tát không cần nữa. Bồ-tát đoạn ác nhưng không chấp tướng của đoạn ác, tu thiện mà không chấp tướng của tu thiện, tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh bình đẳng, không có Phân biệt, không có Chấp trước, đó là Bồ-tát. Vì vậy, ví dụ này rất hay. **宗門常云 “Tông môn thường vân”** (*Tông môn thường nói*), Tông môn là Thiền tông, trong Thiền tông thường nói, **參方須具參方眼, 看教須具看教眼, 是皆以眼表般若之正見也** “**tham phương tu cụ tham phương nhãn, khán giáo tu cụ khán giáo nhãn, thị giai dĩ nhãn biểu Bát-nhã chi Chánh kiến dã**” (*tham phương cần có mắt tham phương, khán giáo cần có mắt khán giáo, đây đều dùng mắt để biểu thị Chánh kiến của Bát-nhã*), mắt ở đây chính là Bát-nhã Ba-la-mật. Tham phương là tham học, tức là tham hỏi cao nhân, thỉnh giáo với ngài. Quý vị gặp được cao nhân, nếu quý vị không có trí huệ, thấy đều chấp tướng, vậy thì cao nhân khai thị cho quý vị, thuyết pháp cho quý vị đều biến thành tri thức, vì sao vậy? Vì không khai ngộ, quý vị dính tướng rồi. Nếu không dính tướng thì rất có thể ngay trong vài câu nói mà hoát nhiên đại ngộ, vì sao? Vì tâm họ thanh tịnh, bình đẳng, giác thì không mê. Cho nên mắt tham phương chính là Bát-nhã Ba-la-mật, đây là tham học, tức là thỉnh giáo với cao nhân.

Tiếp theo là cấp bậc thứ hai, là khán giáo. Giáo là kinh giáo, khán

giáo chính là đọc kinh, xem kinh, đọc kinh. Nếu xem kinh mà không có định huệ thì không thể khai ngộ. Vì vậy khán giáo, chúng ta nói là đọc kinh, vì sao phải thâm nhập một môn, huân tu lâu dài? Đây chính là khán giáo, một môn, tập trung sức chú ý của quý vị, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài là nói đến tu định. Một ngày, xem 8 tiếng, 10 tiếng, giống như xem Đại Kinh – Kinh Hoa Nghiêm, một ngày xem 8 tiếng, xem một lần mất bao lâu? Cần khoảng 20 ngày. 20 ngày xem hết một bộ, một ngày xem 8 tiếng đến 10 tiếng, kinh văn dài, 99 quyển. Nếu không chấp tướng, không để trong tâm, xem được rõ ràng sáng tỏ, tường tận thấu suốt, tâm địa thanh tịnh trong sạch, không nhiễm một trần, quý vị hỏi họ, điều gì họ cũng biết; Quý vị không hỏi họ, họ không biết gì cả, thật sự là như vậy, họ được định rồi, định này gọi là Hoa Nghiêm Tam-muội, họ xem Kinh Hoa Nghiêm [để] tu định. Vậy ngày nay chúng ta xem Kinh Vô Lượng Thọ để tu định, chúng ta xem Chú Giải của lão Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ được định, gọi là Niệm Phật Tam-muội, đây là Pháp môn Niệm Phật. Tam-muội thành tựu rồi, tâm địa thanh tịnh, trí huệ dần dần thấu suốt, không định thời gian nào gặp được, Đại triệt Đại ngộ thì Minh tâm Kiến tánh, Minh tâm Kiến tánh thì tốt nghiệp, thành Phật rồi. Vì vậy, đây là phải có mắt khán giáo, nói đơn giản về mắt khán giáo, chúng tôi cũng thường xuyên nói, không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, đây gọi là mắt khán giáo.

Khi tham học gọi là mắt tham phương, không có Khởi tâm Động niệm, không có Phân biệt Chấp trước. Luyện ở đâu? Trong mọi lúc, khắp mọi nơi, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, luyện công phu ở chỗ này. Mắt thấy sắc mà không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, nếu thật sự làm được bốn câu này thì thành Phật; Vẫn còn Khởi tâm Động niệm, không có Phân biệt Chấp trước,

[là] Bồ-tát, thấp hơn Phật một bậc. Vì vậy, Bồ-tát chính là tu không khởi tâm không động niệm, tu khi tai đang nghe âm thanh, mũi đang ngửi, tu trên mùi vị; Lưỡi tiếp xúc thức ăn, tu trên chua ngọt đắng cay mặn; Thân thể đang tiếp xúc; Ý căn đang biết pháp, rõ ràng sáng tỏ, tường tận thấu suốt, không chấp trước, không phân biệt, không chấp trước. Sự tu hành này là học tập linh hoạt, không phải cứng nhắc.

Chúng ta dùng phương pháp đọc kinh này, đây là pháp phương tiện, dùng phương pháp này giúp chúng ta. Vì sao? Vì đức Phật đã nói điều này rất rõ ràng, nói trong Kinh Bát Nhã: **一切法無所有，畢竟**

空，不可得 “**Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh Không, bất khả đắc**” (*Tất cả pháp vô sở hữu, rốt ráo Không, chẳng đạt được*). Phải hiểu rõ những câu nói này, mới biết được sáu căn ở trong cảnh giới sáu trần thì không nên khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là sai rồi, khởi tâm động niệm là Vô minh, phân biệt chấp trước chính là tạo nghiệp. Khởi tâm động niệm là mê, ở chỗ này dùng “ám” để làm ví dụ so sánh, tức là không giác, tức là vô tri. Không khởi tâm, không động niệm, rõ ràng sáng tỏ, có thể làm được không? Làm được. Nếu nói không khởi tâm, không động niệm, nhưng tôi không thấy rõ, tôi không nghe rõ, nhìn mà không thấy, nghe mà không nghe, đó là gì? Đó là Vô minh, hỏi quý vị điều gì cũng không biết. Vì vậy, quý vị xem người tu hành, họ lợi hại, họ nhìn thấy rõ ràng, nghe được rõ ràng, quý vị hỏi họ, họ đều biết, nhưng họ không có Khởi tâm Động niệm, tâm của họ là thanh tịnh, họ không có bị âm thanh đó, không có bị tướng bên ngoài làm ô nhiễm. Đó là chân tu, chân tu không thể rời khỏi người việc vật, rời khỏi người việc vật thì quý vị đến đâu để tu? Đào một sơn động vào đó ngồi xếp bằng, vẫn là chấp lấy tướng của sơn động, đó đều là công phu chưa đến nơi đến chốn, công phu đến nơi đến chốn thì không cần làm

những việc ấy, mà ngay trong cảnh giới huấn luyện không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước.

Tịnh Độ tông có phương pháp tốt nhất, là nắm chắc một câu A Mi Đà Phật. Không khởi tâm, không động niệm, khó, làm không được, không phân biệt, không chấp trước cũng không dễ. Chúng ta chỉ nắm chắc một câu A Mi Đà Phật, ngoài A Mi Đà Phật ra thì thấy đều buông xuống, sẽ nhanh chóng gặp được đức Phật. Gặp đức Phật thì quý vị thật sự vui vẻ, vì sao vậy? Vì chính mình biết rất rõ, rất sáng suốt, tôi đã ghi danh, đăng ký ở Thế giới Cực Lạc rồi, nơi đó có phần của tôi, khi thọ mạng của tôi hết thì A Mi Đà Phật nhất định đến đón tôi. Thọ mạng chưa hết, gặp phải tai nạn, tôi thật sự muốn đến Thế giới Cực Lạc, A Mi Đà Phật cũng sẽ đến đón tôi. Khởi tâm Động niệm của chúng ta, A Mi Đà Phật đều biết, cho nên Ngài sẽ phân thân, hóa thân đến đưa chúng ta đi.

Tông môn Giáo hạ, tham phương là Tông môn, khán giáo là Giáo hạ, đều là dùng mắt để biểu thị cho Chánh kiến của Bát-nhã (Chánh tri Chánh kiến), dùng điều này để biểu thị. 又《華嚴離世間品》十眼

中，於五眼外，第六曰智眼，知見諸法故 “Hựu Hoa Nghiêm

Ly Thế Gian Phẩm Thập nhãn trung, ư Ngũ nhãn ngoại, đệ lục viết Trí nhãn, tri kiến chư pháp cố” (Thêm nữa, phần Thập nhãn trong Phẩm Ly Thế Gian của Kinh Hoa Nghiêm, ngoài Ngũ nhãn ra, thứ sáu là Trí nhãn, vì thấy biết được các pháp). Trí nhãn có thể thấy tất cả pháp, thấy chân tướng của tất cả pháp. Chân tướng chính là Thật tướng, tướng chân thật. Tướng chân thật, pháp này là giả có, không phải là thật có. Như chúng ta xem tivi, sắc tướng trên màn hình tivi không phải là thật có. Thật là ý nghĩa gì? Thật là không sanh không diệt.

Tướng trên màn hình là giả, một giây sanh diệt 100 lần, không phải là thật. Vì vậy, chúng ta đối với sắc tướng trên màn hình sẽ không phân biệt chấp trước, nhưng có Khởi tâm Động niệm, không có Phân biệt Chấp trước, vậy là tu hành, thật sự tu hành. Người thông thường, người thông thường có Phân biệt Chấp trước, nhìn thấy biểu diễn trong tivi, họ cười thì quý vị cũng cười theo, họ khóc thì quý vị cũng khóc theo, đây là gì? Quý vị có Phân biệt Chấp trước, quý vị bị họ đối gạt, sai rồi. Tivi là giả, chúng ta quay đầu nhìn lại, hoàn cảnh hiện thực cũng không phải là thật, như vậy thì có tiến bộ rất lớn, thăng cấp lên.

Phần Thập nhãn trong 離世間品 “Ly Thế Gian Phẩm” (*Phẩm Ly Thế Gian*), đã viết ra ở chỗ này. Thứ sáu là Trí nhãn, thấy biết các pháp. Thứ bảy là: 光明眼, 見佛光明故 “Quang minh nhãn, kiến Phật quang minh cố” (*Quang minh nhãn, vì thấy quang minh của chư Phật*), thật sự nhìn thấy. Phật quang thường chiếu, người thông thường chúng ta nhìn không thấy, vì sao các ngài có thể nhìn thấy? Vì tâm các ngài thanh tịnh, các ngài có chân thành, các ngài có cung kính, cho nên các ngài nhìn thấy Phật quang. Thứ tám, 出生死眼 “Xuất sanh Tử nhãn”, ra khỏi sanh tử, 見涅槃故 “kiến Niết-Bàn cố” (*vì thấy Niết-Bàn*). Niết-Bàn là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa nước ta là không sanh không diệt, cũng có chỗ dịch là diệt, dịch ra “diệt” nghĩa là diệt phiền não. Như Tiểu thừa, đoạn Kiến tư Phiền não gọi là nhập Bát-Niết-bàn, Bát-Niết-Bàn của Tiểu thừa. Bát-Niết-Bàn của Bồ-tát Đại thừa phải phá Vô minh Phiền não, phá Căn bản Vô minh mới có thể trở về Thường Tịch Quang, trở về Thường Tịch Quang chính là nhập Đại Bát-Niết-Bàn, Bát-Niết-Bàn của Đại thừa. Tiếp theo là thứ chín: 無礙眼,

所見無障故 “Vô ngại nhãn, sở kiến vô ngại cố” (*Vô ngại nhãn, vì những gì nhìn thấy không bị chướng ngại*), không có chướng ngại, quý vị có thể nhìn xuyên qua bức tường, cũng có thể nhìn xuyên qua núi lớn, không có chướng ngại, có thể thấy được cõi nước của tất cả chư Phật trong mười phương đã nói ở trước. Xem định lực ấy của quý vị (công lực tu hành), định càng sâu, càng thấy nhiều, chướng ngại trừ được càng nhiều, đây là thuộc về vô ngại. Thứ mười, **一切智眼, 又**

日普眼, 見普門法界故 “Nhất thiết Trí nhãn, hựu viết Phổ nhãn, kiến Phổ môn Pháp giới cố” (*Nhất thiết Trí nhãn, cũng gọi là Phổ nhãn, vì thấy Pháp giới Phổ môn*). Phổ nhãn hiện tiền, giống như Bồ-tát Quán Thế Âm vậy, có thể thấy vô lượng vô biên cõi nước của tất cả chư Phật trong mười phương, thấy được toàn bộ.

今云智慧眼者, 可釋為十眼中之慧眼與智眼 “Kim vân Trí Huệ nhãn giả, khả thích vi thập nhãn trung chi Huệ nhãn dĩ Trí nhãn” (*Ở kinh này nói là Trí Huệ nhãn, có thể giải thích là Huệ nhãn và Trí nhãn trong Thập nhãn*), thứ sáu là Trí nhãn, **亦可解為眾生本有之如來智慧德相 “diệc khả giải vi chúng sanh bản hữu chi Như Lai trí huệ đức tướng”** (*cũng có thể hiểu là trí huệ, đức tướng của Như Lai mà chúng sanh vốn có*), đó chính là Phật nhãn, đây là nói trên Lý, là thật, không phải giả. Chúng ta phải ghi nhớ câu này, trong Kinh Hoa Nghiêm nói: **一切眾生皆有如來智慧德相 “Nhất thiết chúng sanh giải hữu Như Lai trí huệ đức tướng”** (*Tất cả chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai*), tương đồng với ý nghĩa của câu này,

trí huệ, đức tướng của Như Lai mà chúng sanh vốn sẵn có. Từ đây có thể biết được, đó không phải là từ bên ngoài mà được, từ bên ngoài thì tu không được. Tu từ bên ngoài, có thể có một chút tiểu thần thông, không phải là trí huệ chân thật, đó là sai lầm. Phật pháp khác với các ngoại đạo, chính là Phật pháp tu từ bên trong, Phật pháp không tu từ bên ngoài, hoàn toàn là khai phát Tự Tánh, phá trừ phiền não, trí huệ đức tướng của Tự Tánh tự nhiên hiện tiền, như vậy mới gọi là Phật giáo, rời khỏi Tự Tánh thì không có pháp nào có thể đạt được. Cho nên Phật pháp được gọi là nội học, kinh điển được gọi là nội điển, không cầu ở bên ngoài, chúng ta nhất định phải biết điều này. Cầu mạnh khỏe, cầu sống lâu, cầu thoát khỏi luân hồi, cầu liễu sanh tử, hết thảy đều ở trong, không nằm bên ngoài, bên trong có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, không có cầu từ bên ngoài, chúng ta nhất định phải biết điều này. Trí huệ, đức tướng này của Như Lai chính là Phật nhãn. Thời gian hôm nay hết rồi, chúng ta học tập đến đây thôi.

(Hết tập 210)

Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử cùng chúng sanh
Đều sanh nước Cực Lạc
Sớm viên thành Phật quả
Rộng độ khắp chúng sanh.

Nam Mô A Mi Đà Phật.